



# Y HỌC

## VIỆT NAM

*Năm thứ bảy mươi*

**VIETNAM MEDICAL JOURNAL**



**THÁNG 7 - SỐ 1**  
**2024**

**TẬP 540**

**TỔNG HỘI Y HỌC VIỆT NAM**  
**TẠP CHÍ Y HỌC VIỆT NAM**

68A Bà Triệu - Hoàn Kiếm - Hà Nội; Tel: 024-39431866

Email: [tapchihocvietnam@gmail.com](mailto:tapchihocvietnam@gmail.com); Website: [tapchihocvietnam.vn](http://tapchihocvietnam.vn); [vmj.vn](http://vmj.vn)

4. **J. C. Arraes, F. Cunha, T. A. Arraes và cộng sự.** [Limbal relaxing incisions during cataract surgery: one-year follow-up]. *Arq Bras Oftalmol*, 2006, 69(3): 361-4.
5. **Harry W. Roberts, Vijay K. Wagh, Daniel L. Sullivan và cộng sự.** Refractive outcomes after limbal relaxing incisions or femtosecond laser arcuate keratotomy to manage corneal astigmatism at the time of cataract surgery. *Journal of Cataract & Refractive Surgery*, 2018, 44(8):
6. **R. Lim, E. Borasio and L. Ilari.** Long-term stability of keratometric astigmatism after limbal relaxing incisions. *J Cataract Refract Surg*, 2014, 40(10): 1676-81.
7. **M. J. Carvalho, S. H. Suzuki, L. L. Freitas và cộng sự.** Limbal relaxing incisions to correct corneal astigmatism during phacoemulsification. *J Refract Surg*, 2007, 23(5): 499-504.

## NGHIÊN CỨU MỐI LIÊN QUAN GIỮA TẬT CẬN THỊ VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ KHÁC VỚI TÌNH TRẠNG LO ÂU CỦA SINH VIÊN HAI NĂM ĐẦU ĐẠI HỌC

Đinh Việt Hùng<sup>1</sup>, Nguyễn Đình Khanh<sup>1</sup>, Trần Mỹ Linh<sup>2</sup>,  
Huỳnh Ngọc Lăng<sup>1</sup>, Phạm Xuân Trường<sup>1</sup>, Bùi Anh Tuấn<sup>1</sup>, Trần Việt Thắng<sup>1</sup>

### TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Đánh giá mối liên quan giữa tật cận thị và một số yếu tố khác với rối loạn lo âu ở nhóm đối tượng sinh viên năm nhất và năm hai đại học. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** nghiên cứu cắt ngang được thực hiện trên 521 sinh viên năm nhất và năm hai đang học tại Đại học Vinh, thời gian lấy số liệu từ tháng 8 năm 2023 đến tháng 12 năm 2023. Xác định tật cận thị và độ cận dựa trên lần khám định kỳ gần nhất. Tình trạng rối loạn lo âu được đánh giá thông qua thang đo đánh giá lo âu Zung. **Kết quả:** có 57 sinh viên năm nhất và 464 sinh viên năm hai, trong đó có 55,5% đối tượng mắc tật cận thị (34,4% cận nhẹ, 20,3% cận vừa và 0,8% cận nặng). Có 16,7% sinh viên năm nhất và năm hai đại học có biểu hiện rối loạn lo âu (11,1% mức độ nhẹ, 4,8% mức độ vừa và 0,8% mức độ nặng). Có mối liên quan giữa rối loạn lo âu với tật cận thị (OR=1,56, 95%CI: 0,97-2,51, p<0,05) và năm học đại học (OR=2,16, 95%CI: 1,15-4,06, p<0,05). Không tìm thấy mối liên quan giữa giới tính và tình trạng sinh sống với nguy cơ mắc rối loạn lo âu. **Kết luận:** tật cận thị và năm học đại học có mối liên quan đến nguy cơ cao hơn biểu hiện rối loạn lo âu. **Từ khóa:** Rối loạn lo âu; Cận thị; Yếu tố khác.

### SUMMARY

#### RESEARCH ON RELATIONSHIP BETWEEN MYOPIA AND OTHER FACTORS WITH ANXIETY IN THE FIRST TWO YEARS OF COLLEGE

**Objective:** To evaluate the relationship between myopia and some other factors with anxiety disorders in students in the first two years of college. **Subjects and methods:** a cross-sectional study was performed on 521 students in the first two years studying at Vinh University from August 2023 to December 2023.

<sup>1</sup>Bệnh viện Quân y 103

<sup>2</sup>Trường đại học Vinh

Chịu trách nhiệm chính: Đinh Việt Hùng

Email: bshunga6@gmail.com

Ngày nhận bài: 4.4.2024

Ngày phản biện khoa học: 16.5.2024

Ngày duyệt bài: 14.6.2024

Determine myopia based on the most recent routine examination. Anxiety disorder was assessed using the Zung Self-Rating Anxiety Scale. **Results:** 521 subjects included 57 freshman students and 464 sophomore students, in which 55.5% had myopia (34.4% mild, 20.3% moderate, and 0.8% severe myopia). There were 16.7% of students showing signs of an anxiety disorder (11.1% mild, 4.8% moderate, and 0.8% severe level). There was an association between anxiety disorder and myopia (OR=1.56, 95%CI: 0.97-2.51, p<0.05) and year in university (OR=2.16, 95%CI: 1.15-4.06, p<0.05). No relationship was found between gender and living status with the risk of anxiety disorder. **Conclusion:** Myopia and numbers of college-years were associated with a higher risk of anxiety disorder. **Keywords:** Anxiety disorder; Myopia; Other factors.

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trên thế giới, trong năm 2023, có ít nhất 2,2 tỷ người có vấn đề về thị lực, trong đó có tới 88,4 triệu người có bất thường về tật khúc xạ, cao hàng thứ hai chỉ sau đục thủy tinh thể. Tỷ lệ này cao hơn ở nhóm đối tượng là học sinh, sinh viên. Lo âu là một rối loạn tâm thần phổ biến trên thế giới, khoảng 17 phần trăm người trưởng thành cho biết có tiền sử biểu hiện rối loạn lo âu trước đó và cứ 10 người thì có 1 người bị rối loạn lo âu hiện tại [2]. Thị lực có mối liên quan với các rối loạn tâm thần, cụ thể những người có những bất thường về thị lực có nguy cơ cao hơn mắc các rối loạn tâm thần, đặc biệt là rối loạn lo âu, trầm cảm [3],[4]. Trên thế giới, đã có những nghiên cứu đánh giá mối liên quan giữa tật cận thị với một số rối loạn tâm thần như trầm cảm, lo âu... Tuy nhiên, ở Việt Nam chưa có nghiên cứu nào tìm hiểu về vấn đề này, vì vậy chúng tôi tiến hành nghiên cứu nhằm: *Đánh giá mối liên quan giữa tật cận thị và một số yếu tố khác với rối loạn lo âu ở nhóm đối tượng sinh viên năm nhất và năm hai đại học.*



## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

**2.1. Đối tượng nghiên cứu.** Nghiên cứu trên 521 đối tượng là sinh viên năm nhất và năm hai đang học tại trường Đại học Vinh từ tháng 8 năm 2023 đến tháng 12 năm 2023.

**\*Tiêu chuẩn lựa chọn:** Đối tượng được lựa chọn là sinh viên đang là năm nhất và năm hai đại học.

**\*Tiêu chuẩn loại trừ:** Đối tượng có tiền sử phẫu thuật mắt trước đó hoặc được chẩn đoán một bệnh về mắt khác không phải cận thị. Mặc các bệnh lý tâm thần khác như tâm thần phân liệt, rối loạn lưỡng cực...

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu mô tả cắt ngang.

Tình trạng cận thị được đánh giá dựa trên lần khám định kỳ gần nhất của đối tượng khảo sát. Mức độ cận thị được phân loại theo từ điển đo thị lực và khoa học thị giác (2017) với 3 mức độ cận theo đơn vị độ cong thấu kính Diop (D): mức độ nhẹ (< 3D), mức độ vừa (3D - 6D), mức độ nặng (> 6D) [5].

Xác định tình trạng rối loạn loạn lo âu của đối tượng tham gia nghiên cứu bằng thang đánh giá rối loạn lo âu Zung. Thang đo có 20 câu hỏi, mỗi câu hỏi có 4 mức độ (Không có, đôi khi, phần lớn thời gian, hầu hết hoặc tất cả thời gian) với mức điểm lần lượt là 0, 1, 2, 3 điểm. Tổng điểm của tất cả câu hỏi phân chia tình trạng của đối tượng thành 4 loại: không có rối loạn lo âu (<45 điểm), lo âu mức độ nhẹ (45-59 điểm), lo âu mức độ vừa (60-74 điểm), lo âu mức độ nặng (≥75 điểm) [6].

Tổng có 1090 sinh viên tham gia khảo sát, trong đó có 544 là sinh viên năm nhất và năm hai đại học. Qua khảo sát có 521 sinh viên đủ tiêu chuẩn cho nghiên cứu, 23 sinh viên không đủ tiêu chuẩn (11 sinh viên đã phẫu thuật mắt trước đó, 12 sinh viên được chẩn đoán bệnh lý về mắt khác).

Kết quả được nhập vào phần mềm Excel và xử lý kết quả bằng phần mềm thống kê SPSS 22.0 bằng các thuật toán phù hợp đặc điểm dữ liệu và mục tiêu nghiên cứu. Đánh giá nguy cơ mắc rối loạn lo âu của hai nhóm khác nhau bằng chỉ số tỷ suất chênh OR và khoảng tin cậy 95%, với sự khác biệt có ý nghĩa thống kê khi  $p < 0,05$ .

## III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

**Bảng 3.1. Phân bố đối tượng theo năm học đại học**

| Chỉ số thống kê | Số lượng | Tỷ lệ (%) |
|-----------------|----------|-----------|
| Năm học đại học |          |           |
| Năm nhất        | 57       | 10,9      |

|             |            |            |
|-------------|------------|------------|
| Năm hai     | 464        | 89,1       |
| <b>Tổng</b> | <b>521</b> | <b>100</b> |

Kết quả bảng 3.1 cho thấy phân bố đối tượng sinh viên trong nghiên cứu theo năm học đại học. Theo đó, nhóm đối tượng là năm nhất có 57 sinh viên, chiếm 10,9%; năm hai có 464 sinh viên, chiếm tới 89,1%.

**Bảng 3.2. Phân bố đối tượng theo tình trạng sinh sống**

| Chỉ số thống kê                  | Số lượng   | Tỷ lệ (%)  |
|----------------------------------|------------|------------|
| Tình trạng sinh sống             |            |            |
| Sống một mình                    | 259        | 49,7       |
| Sống cùng người thân hoặc bạn bè | 262        | 50,3       |
| <b>Tổng</b>                      | <b>521</b> | <b>100</b> |

Kết quả bảng 3.2 cho thấy tình trạng sinh sống của đối tượng nghiên cứu. Theo đó, gần một nửa số sinh viên năm nhất, năm hai đại học sống một mình, với 259 người. Có 262 đối tượng sống cùng người thân hoặc bạn bè, chiếm 50,3%.

**Bảng 3.3. Phân bố đối tượng theo mức độ tật cận thị**

| Chỉ số thống kê | Số lượng   | Tỷ lệ (%)  |
|-----------------|------------|------------|
| Cận thị         |            |            |
| Không cận thị   | 232        | 44,5       |
| Cận thị         |            |            |
| Cận nhẹ         | 179        | 34,4       |
| Cận vừa         | 106        | 20,3       |
| Cận nặng        | 4          | 0,8        |
| <b>Tổng</b>     | <b>521</b> | <b>100</b> |

Kết quả bảng 3.3 cho thấy phân bố đối tượng nghiên cứu theo tật cận thị và mức độ cận. Theo đó, có 55,5% tổng số sinh viên năm nhất và năm hai đại học trong nghiên cứu này mắc tật cận thị. Trong đó, tỷ lệ sinh viên có độ cận vừa và nặng lần lượt là 20,3% và 0,8%, với 106 và 4 sinh viên.

**Bảng 3.4. Phân bố đối tượng theo mức độ rối loạn lo âu**

| Chỉ số thống kê   | Số lượng   | Tỷ lệ (%)  |
|-------------------|------------|------------|
| Rối loạn lo âu    |            |            |
| Không lo âu       | 434        | 83,3       |
| Có rối loạn lo âu |            |            |
| Lo âu nhẹ         | 58         | 11,1       |
| Lo âu vừa         | 25         | 4,8        |
| Lo âu nặng        | 4          | 0,8        |
| <b>Tổng</b>       | <b>521</b> | <b>100</b> |

Kết quả bảng 3.4 cho thấy phân bố đối tượng nghiên cứu theo tình trạng xuất hiện rối loạn lo âu và mức độ lo âu. Theo đó, có 87 sinh viên có biểu hiện của rối loạn lo âu, chiếm 16,7%. Với mức độ lo âu nhẹ, vừa, nặng chiếm tỷ lệ lần lượt là 11,1%, 4,8% và 0,8%.

**Bảng 3.5. Mối liên quan giữa năm học đại học và tình trạng rối loạn lo âu**

| Chỉ số thống kê | Rối loạn lo âu | Tổng  |
|-----------------|----------------|-------|
|                 | Có             | Không |

| Năm học        | n(%)                      | n(%)           |     |
|----------------|---------------------------|----------------|-----|
| Năm nhất       | 16<br>(28,1%)             | 41<br>(71,9%)  | 57  |
| Năm hai        | 71<br>(15,3%)             | 393<br>(84,7%) | 464 |
| OR(95%CI)<br>p | 2,16 (1,15;4,06)<br>0,016 |                |     |

Kết quả bảng 3.5 mô tả mối liên quan giữa năm học đại học và sự xuất hiện rối loạn lo âu. Theo đó, có mối liên quan giữa sinh viên là năm nhất hay năm hai đại học và nguy cơ biểu hiện rối loạn lo âu. Cụ thể, nhóm sinh viên năm nhất có tỷ lệ xuất hiện tình trạng rối loạn lo âu cao hơn so với nhóm sinh viên năm hai với OR=2,16, khoảng tin cậy 95% là 1,15-4,06,  $p<0,05$ .

**Bảng 3.6. Mối liên quan giữa tình trạng sinh sống và nguy cơ mắc rối loạn lo âu**

| Chỉ số thống kê                     | Rối loạn lo âu            |                | Tổng |
|-------------------------------------|---------------------------|----------------|------|
|                                     | Có<br>n(%)                | Không<br>n(%)  |      |
| Tình trạng sinh sống                |                           |                |      |
| Sống một mình                       | 40<br>(15,4%)             | 219<br>(84,6%) | 259  |
| Sống cùng người thân<br>hoặc bạn bè | 47<br>(17,9%)             | 215<br>(82,1%) | 572  |
| OR(95%CI)<br>p                      | 0,84 (0,53;1,33)<br>>0,05 |                |      |

Kết quả bảng 3.6 mô tả mối liên quan giữa tình trạng sinh sống và sự xuất hiện rối loạn lo âu ở sinh viên năm nhất và năm hai đại học. Theo đó, không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về nguy cơ biểu hiện rối loạn lo âu ở hai nhóm đối tượng là sinh viên năm nhất và năm hai đại học, với  $p>0,05$ .

**Bảng 3.7. Mối liên quan giữa tật cận thị và nguy cơ mắc rối loạn lo âu**

| Chỉ số thống kê | Rối loạn lo âu            |               | Tổng |
|-----------------|---------------------------|---------------|------|
|                 | Có<br>n(%)                | Không<br>n(%) |      |
| Cận thị         |                           |               |      |
| Có cận thị      | 56 (19,4%)                | 233 (80,6%)   | 289  |
| Không cận thị   | 31 (13,4%)                | 201 (86,6%)   | 232  |
| OR(95%CI)<br>p  | 1,56 (0,97;2,51)<br>0,043 |               |      |

Kết quả bảng 3.7 mô tả mối liên quan giữa tật cận thị và tình trạng rối loạn lo âu ở sinh viên đại học năm nhất và năm hai. Theo đó, có mối liên quan giữa tật cận thị và nguy cơ biểu hiện rối loạn lo âu ở đối tượng sinh viên đại học. Cụ thể, nhóm sinh viên bị cận thị có nguy cơ xuất hiện tình trạng rối loạn lo âu cao hơn so với nhóm sinh viên không bị cận thị với OR=1,56 và khoảng tin cậy 95% là 0,97-2,51;  $p<0,05$ .

#### IV. BÀN LUẬN

Đa số đối tượng trong nghiên cứu này là sinh viên năm hai đại học chiếm tới 89,1% (bảng

3.1). Số lượng sinh viên năm nhất đại học ít có thể liên quan đến tâm lý ái ngại khi thực hiện các khảo sát liên quan đến vấn đề tâm thần. Từ bảng bảng 3.5 ta cũng thấy được có mối liên quan giữa năm học đại học và rối loạn lo âu. Theo đó, sinh viên năm nhất đại học có nguy cơ xuất hiện tình trạng rối loạn lo âu cao gấp 2,16 lần so với nhóm sinh viên năm hai đại học ( $p<0,05$ ). Kết quả có thể được giải thích do sinh viên năm nhất đại học là những đối tượng vừa tốt nghiệp trung học phổ thông, sự thay đổi môi trường học tập, sinh sống có thể tác động tiêu cực đến tâm lý của sinh viên, dẫn đến tình trạng rối loạn lo âu. Theo Zhang H. và cộng sự (2021) sinh viên năm nhất, năm hai với độ tuổi thấp hơn có nguy cơ xuất hiện tình trạng mất ngủ cũng như rối loạn lo âu cao hơn [7]. Tỷ lệ xuất hiện tình trạng rối loạn lo âu ở nhóm đối tượng sinh viên năm nhất đại học là 10,34% [4].

Có tới 49,7% số sinh viên chỉ sống một mình trong quá trình học tập (bảng 3.2). Tỷ lệ này cũng tương đương với kết quả nghiên cứu trên đối tượng sinh viên đại học của Ramón-Arbués E. và cộng sự (2020), khi nhận thấy rằng gần một nửa số sinh viên sống một mình, không sống cùng gia đình [8]. Tuy nhiên trong nghiên cứu này, không tìm thấy mối liên quan giữa tình trạng sinh sống một mình hay sống cùng với người thân bạn bè với tình trạng rối loạn lo âu (bảng 3.6). Trong nghiên cứu năm 2023 của Huang M. và cộng sự cho thấy rằng tình trạng sinh sống một mình có thể tăng nguy cơ mắc các rối loạn tâm thần như rối loạn lo âu, rối loạn trầm cảm hay rối loạn giấc ngủ [9]. Điều này có thể giải thích do đối tượng trong nghiên cứu của tác giả có thời gian sống một mình kéo dài và mẫu nghiên cứu rất lớn, ngược lại chúng tôi thực hiện trên sinh viên năm nhất và năm hai, mới có thời gian sống một mình ngắn, mẫu nghiên cứu chưa đủ lớn nên chưa có sự khác biệt về tình trạng rối loạn lo âu giữa hai nhóm đối tượng này.

Đánh giá về thực trạng mắc tật cận thị ở đối tượng sinh viên trong nghiên cứu, ta thấy tỷ lệ sinh viên bị cận thị đang ở mức rất cao, có tới hơn một nửa số sinh viên trong nghiên cứu bị cận thị, đáng nói mức độ vừa và nặng chiếm gần 1/4 số sinh viên (bảng 3.3). Theo thống kê của tổ chức y tế thế giới trong năm 2023, có tới hơn 2,2 tỷ người có vấn đề về thị lực trên thế giới, trong đó cận thị đứng hàng thứ hai với hơn 88 triệu người bị. Điều đáng nói, nhóm đối tượng là học sinh, sinh viên có tỷ lệ cận thị cao hơn cả [1]. Trong nghiên cứu của Zhang H. và cộng sự năm 2021, tác giả còn nhận thấy tỷ lệ cận thị

mức độ nặng cao hơn nhiều so với nghiên cứu của chúng tôi. Nhóm tác giả nhận thấy rằng, trong số những sinh viên bị cận thị là 764 sinh viên thì có tới 26,7% bị cận thị mức độ nặng và phải đeo kính trên 6.00D, đáng chú ý nhóm đối tượng của tác giả nghiên cứu là sinh viên năm nhất đại học [7].

Tình trạng rối loạn lo âu trong nghiên cứu được thể hiện ở bảng 3.4, với hơn 16% sinh viên trong nghiên cứu xuất hiện tình trạng rối loạn lo âu, đáng chú ý, hơn 1/4 trong số đó biểu hiện lo âu ở mức độ nặng. Kaplan B.J. và Sadock V.A. (2017), nhận định rằng có hơn 17% người trưởng thành có biểu hiện tình trạng lo âu trong tiền sử, và cứ 10 người được khảo sát thì có 1 người hiện tại đang biểu hiện tình trạng rối loạn lo âu [2]. Về tỷ lệ rối loạn lo âu hiện tại mắc, trong nghiên cứu của chúng tôi là 16,7%, cao hơn nhận định của tác giả là 10%, kết quả này có thể do đối tượng nghiên cứu của chúng tôi là sinh viên, đặc biệt đây là nhóm sinh viên những năm đầu, cho nên tỷ lệ rối loạn lo âu cao hơn so với quần thể chung. Tuy nhiên, trong một nghiên cứu của Ramón-Arbués E. và cộng sự (2020) 1074 sinh viên đại học, khi tác giả đánh giá tình trạng rối loạn lo âu của đối tượng nghiên cứu bằng thang đo căng thẳng lo âu (DASS-21) đã cho tỷ lệ sinh viên có biểu hiện rối loạn lo âu rất cao, ở mức 23,6% [8].

Khi tìm hiểu mối liên quan giữa cận thị và tình trạng lo âu, chúng tôi nhận thấy có nguy cơ biểu hiện tình trạng rối loạn lo âu cao hơn ở nhóm sinh viên bị cận thị so với nhóm sinh viên không bị cận thị, tỷ lệ này là 1,56 lần (bảng 3.7). Kết quả này phù hợp với hầu hết các nghiên cứu của các tác giả trên thế giới. Li Q. và cộng sự (2020) đã nghiên cứu trên 1103 đối tượng là học sinh trung học phổ thông, nhóm tác giả sử dụng thang tự đánh giá lo âu Zung để đánh giá tình trạng lo âu. Kết quả cho thấy có sự khác biệt đáng kể về tỷ lệ rối loạn lo âu ở nhóm bị cận thị và không bị cận thị. Đặc biệt nhóm tác giả tìm thấy có mối tương quan chặt giữa mức độ cận và mức độ lo âu, với hệ số tương quan  $r=0,43$ ,  $p=0,045$  [10]. Trong một nghiên cứu cắt ngang trên 4984 sinh viên đại học của Li Z. và cộng sự năm 2023, tác giả nhận thấy có mối tương quan giữa tật cận thị và tình trạng rối loạn lo âu (được xác định bằng thang tự đánh giá lo âu Zung), với  $p<0,001$ . Tuy nhiên, mối tương quan này không chặt, với  $r<0,1$  [4]. Cũng trong một nghiên cứu mới đây của Hashemi A. và cộng sự (2024), khi đánh giá mối liên quan giữa những bệnh lý về mắt và rối loạn tâm thần, nhóm tác

giả cũng đã nhận thấy rằng đối tượng có những bất thường về thị lực thì có nguy cơ mắc các rối loạn tâm thần cao hơn, trong đó có tình trạng lo âu [3].

## V. KẾT LUẬN

- Có 57 sinh viên năm nhất và 464 sinh viên năm hai, trong đó có 49,7% số sinh viên sống một mình và 50,3 sinh viên sống cùng người thân hoặc bạn bè.

- Có 55,5% sinh viên bị cận thị (34,4% cận nhẹ, 20,3% cận vừa và 0,8% cận nặng) và 16,7% sinh viên có biểu hiện rối loạn lo âu (11,1% mức độ nhẹ, 4,8% mức độ vừa và 0,8% mức độ nặng).

- Có mối liên quan giữa rối loạn lo âu với tật cận thị (OR=1,56, 95%CI: 0,97-2,51,  $p<0,05$ ) và năm học đại học (OR=2,16, 95%CI: 1,15-4,06,  $p<0,05$ ). Không tìm thấy mối liên quan giữa giới tính và tình trạng sinh sống với nguy cơ mắc rối loạn lo âu.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **World Health Organization** (2023). World report on vision: Blindness and vision impairment.
2. **Kaplan B.J. and Sadock V.A.** (2017). Anxiety Disorders, in: Kaplan and Sadock's Comprehensive Textbook of Psychiatry, 10th edition, Lippincott Williams & Wilkins, Baltimore, 4047-75.
3. **Hashemi A., Hashemi H., Jamali A., et al.** (2024) The association between visual impairment and mental disorders. Scientific Reports, 14(1), 1-9.
4. **Li Z., Wei J., Lu S., et al.** (2023) Association between myopia and anxiety: a cross-sectional study based on Chinese university freshmen. Annals of Translational Medicine, 11(8).
5. **Millodot M.** (2017) Dictionary of optometry and vision science. Elsevier Health Sciences.
6. **Zung, W.** (1971) A rating instrument for anxiety disorders. Psychosomatics, 12(6), 371-79.
7. **Zhang H., Gao H., Zhu Y., et al.** (2021) Relationship between myopia and other risk factors with anxiety and depression among Chinese university freshmen during the COVID-19 pandemic. Frontiers in Public Health, 9, 774237.
8. **Ramón-Arbués E., Gea-Caballero V., Granada-López J. M., et al.** (2020) The prevalence of depression, anxiety and stress and their associated factors in college students. International journal of environmental research and public health, 17(19), 7001.
9. **Huang M., Liu K., Liang C., et al.** (2023) The relationship between living alone or not and depressive symptoms in older adults: a parallel mediation effect of sleep quality and anxiety. BMC geriatrics, 23(1), 506.
10. **Li Q., Yang J., He Y., et al.** (2020) Investigation of the psychological health of first-year high school students with myopia in Guangzhou. Brain and behavior, 10(4), e01594.

## THỰC TRẠNG THỰC HÀNH TỰ TIÊM INSULIN CỦA NGƯỜI BỆNH ĐÁI THÁO ĐƯỜNG ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ TẠI KHOA KHÁM BỆNH - BỆNH VIỆN THANH NHÀN NĂM 2022

Võ Thị Thu Hương<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Kim Anh<sup>2</sup>

### TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Mô tả thực trạng thực hành tiêm Insulin và đề xuất một số giải pháp nâng cao thực hành tự tiêm Insulin của người bệnh đái tháo đường điều trị ngoại trú tại khoa Khám bệnh - bệnh viện Thanh Nhàn. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** 169 người bệnh được chẩn đoán xác định đái tháo đường (ĐTĐ) đang được chỉ định điều trị Insulin và theo dõi điều trị ngoại trú tại khoa Khám bệnh bệnh viện Thanh Nhàn trong thời gian từ tháng 2/2022 đến tháng 7/2022. Nghiên cứu mô tả cắt ngang. **Kết quả:** Tỷ lệ người bệnh không biết tiêm và kỹ thuật kém chiếm tỷ lệ 31.3%, kỹ thuật vừa đủ và tối ưu đạt 68.7%. Tỷ lệ thực hành tiêm đúng của NB có kiến thức đúng ở nhóm Trả lời đúng > 50% câu hỏi cao hơn nhóm còn lại với tỷ lệ lần lượt là 89,7% và 79,2%, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với  $p = 0.04$  ( $<0,05$ ). **Kết luận:** Tỷ lệ NB không biết tiêm và kỹ thuật kém chiếm tỷ lệ 31.3%, kỹ thuật vừa đủ và tối ưu đạt 68.7%. **Từ khóa:** Đái tháo đường, thực hành sử dụng Insulin, đái tháo đường điều trị ngoại trú.

### SUMMARY

#### ASSESS THE PRACTICE OF SELF ADMINISTRATION OF INJECTION INSULIN AMONG DIABETIC OUTPATIENTS AT MEDICAL EXAMINATION DEPARTMENT OF THANH NHAN HOSPITAL IN 2022

**Objectives:** The study aim was to assessment of the practice regarding self-insulin administration and propose some solutions to improve self administration of injection insulin among diabetic outpatients at Medical examination department of Thanh Nhan Hospital. **Material and Method:** 169 patients with diabetes mellitus (DM) are outpatients insulin therapy at Thanh Nhan Hospital's Medical Examination Department during the period from 2/2022 to 7/2022. A descriptive cross-sectional study was conducted. **Results:** The proportion of patients who did not know how to inject and have poor technique was 31.3%, with adequate and optimal technique is 68.7%. The rate of correct injection practice among patients with correct knowledge in the group that answered > 50% of questions correctly was higher than the other group at 89.7% and 79.2% respectively, the difference was statistically significant. statistics with  $p = 0.04$

( $<0.05$ ). **Conclusions:** The rate of patients who do not know how to inject and have poor technique is 31.3%, with adequate and optimal technique is 68.7%. **Keywords:** Diabetes, Practice using Insulin, outpatient diabetes treatment.

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bệnh đái tháo đường (ĐTĐ) là một bệnh rối loạn chuyển hóa gây tăng đường huyết mạn tính do thiếu hụt bài tiết Insulin, thiếu hụt hoạt động Insulin, hoặc cả hai, gây ra tổn thương biến chứng cấp và mạn tính ở nhiều cơ quan trong cơ thể, đặc biệt là mắt, thận, thần kinh, tim và mạch máu... có thể gây tử vong hoặc tàn phế suốt đời ảnh hưởng rất nhiều đến chất lượng cuộc sống của người bệnh. Điều trị đái tháo đường gồm: phát hiện và điều trị biến chứng của đái tháo đường và kiểm soát đường huyết. Bên cạnh việc điều chỉnh chế độ ăn và luyện tập thể lực thì các người bệnh đều cần phải sử dụng thuốc viên hạ đường huyết và/hoặc tiêm Insulin [4]. Insulin đóng vai trò vô cùng quan trọng trong điều trị đái tháo đường type 1 và hầu hết các người bệnh đái tháo đường type 2 cuối cùng sẽ cần được điều trị bằng Insulin do mất chức năng tế bào  $\beta$ . Hội đái tháo đường Hoa Kỳ (ADA) và Hội đái tháo đường Châu Âu (EASD) đều khuyến cáo các người bệnh đái tháo đường type 2 nên sử dụng Insulin sớm [5].

Theo nghiên cứu của trung tâm kiểm soát bệnh tật Mỹ (CDC) tỷ lệ người bệnh sử dụng Insulin vào năm 2011 ở Mỹ là 30,8%, trong đó 17,8% dùng Insulin đơn trị liệu và 13% dùng Insulin kết hợp với thuốc viên hạ đường máu [6]. Tại Việt Nam một số nghiên cứu cho thấy tỷ lệ tiêm Insulin của người bệnh đái tháo đường như sau: tại bệnh viện trung ương Thái Nguyên tỷ lệ người bệnh tiêm Insulin chiếm hơn 33% [7]. Thiếu hụt kiến thức tiêm Insulin và thực hành tiêm Insulin không đúng làm giảm hiệu quả kiểm soát đường huyết cũng như gây ra những phản ứng có hại do tiêm (ADR) như: hạ đường huyết, ngứa, loạn dưỡng mỡ dưới da, bầm tím vị trí tiêm. Vì vậy, người bệnh cần được trang bị kiến thức đầy đủ về bệnh ĐTĐ và được hướng dẫn thực hành sử dụng Insulin đúng cách [9].

Khoa Khám bệnh Bệnh viện Thanh Nhàn hiện đang theo dõi điều trị cho hơn 6.000 người bệnh ĐTĐ trong đó số người bệnh tiêm Insulin

<sup>1</sup>Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định

<sup>2</sup>Bệnh viện Thanh Nhàn

Chịu trách nhiệm chính: Võ Thị Thu Hương

Email: vothithuhuong@ndun.edu.vn

Ngày nhận bài: 5.4.2024

Ngày phản biện khoa học: 17.5.2024

Ngày duyệt bài: 14.6.2024

# MỤC LỤC

TẠP CHÍ Y HỌC VIỆT NAM TẬP 540 - THÁNG 7 - SỐ 1 - 2024

VIETNAM MEDICAL JOURNAL N<sup>o</sup>1 - JULY - 2024

1. **Kết quả phẫu thuật kết hợp xương nẹp vít khóa xâm lấn tối thiểu điều trị gãy kín mâm chày** 1  
**Minimally invasive plate osteosynthesis surgery treatment for tibial plateau fracture**  
**Đặng Trung Kiên, Nguyễn Văn Đạt, Lê Mạnh Sơn, Nguyễn Văn Phan, Nguyễn Thành Luân, Đoàn Lê Vinh, Ngô Đức Quang**
2. **Kết quả phẫu thuật nội soi sau phúc mạc hỗ trợ tạo hình khúc nối bể thận niệu quản ở trẻ dưới 2 tuổi** 4  
**Result of retroperitoneal laparoscopic - assisted pyeloplasty in children younger than 2 years**  
**Nguyễn Việt Hoa, Phạm Quang Hùng, Nguyễn Bích Ngọc, Vũ Hồng Tuân**
3. **Kết quả sử dụng kết hợp Mifepristone và Misoprostole trong phá thai nội khoa ở tuổi thai 17 đến 22 tuần tại Bệnh viện Phụ Sản Hà Nội** 8  
**Results of combined use of Mifepristone and Misoprostole in termination of pregnancy at a gestational age from 17 to 22 weeks at Hanoi Obstetric Hospital**  
**Nguyễn Thị Thu Phương, Phạm Đức Anh, Nguyễn Thanh Hải, Mai Thanh Sơn, Đỗ Như Huyền**
4. **Đánh giá kết quả điều trị bảo tồn gãy lồi cầu xương hàm dưới** 12  
**Non-surgical treatment of mandibular condylar fracture**  
**Vũ Trung Trực, Lê Trung Kiên, Nguyễn Tấn Văn**
5. **Kết quả sớm phẫu thuật nội soi qua đường tiền đình miệng điều trị ung thư tuyến giáp thể nhú tại Bệnh viện Ung Bướu Hà Nội** 15  
**Early surgical outcome of transoral endoscopic thyroidectomy vestibular approach to treat papillary thyroid cancer at Hanoi Oncology Hospital**  
**Phan Lê Thắng, Phạm Văn Hoàn, Phạm Đắc Đông**
6. **Đánh giá kết quả sau 5 năm phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy ổ cối tại Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức** 18  
**Evaluation of outcomes after 5 years surgical treatment of acetabular fractures in Viet Duc Hospital**  
**Dương Đình Toàn, Đỗ Đức Mạnh, Trương Xuân Quang**
7. **Đánh giá kết quả tạo hình ổ khuyết hộp sọ bằng lưới vít titanium 3D** 22  
**Evaluating the result of cranioplasty using 3D titanium screw mesh**  
**Lê Đức Mạnh, Nguyễn Trung Kiên, Nguyễn Thành Bắc**
8. **Đặc điểm của bệnh nhân tổn thương thận cấp điều trị tại khoa Hồi sức Tích cực và Chống độc Bệnh viện Đa khoa thành phố Vinh** 27  
**Characteristics of patients with acute kidney injury treated at medical intensive care department of Vinh City General Hospital**  
**Ngô Nam Hải, Nguyễn Hồng Trường, Hà Trần Hưng**
9. **Đặc điểm tổn thương thận cấp sau phẫu thuật tại Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An** 31  
**Characteristics of acute kidney injury after surgery at Nghe An General Hospital**  
**Lương Mạnh Hùng, Lê Quang Thuận, Hà Trần Hưng**
10. **Đánh giá một số biến chứng sau điều trị ở bệnh nhân ung thư tuyến giáp thể biệt hóa tại Bệnh viện Ung Bướu Cần Thơ** 35  
**Evaluate the complications of different thyroid cancer patients after treatment at Can Tho Oncology Hospital**  
**Nguyễn Tấn Lực, Bùi Tiến Công, Mai Trọng Khoa, Cao Văn Trung, Nguyễn Tiến Mạnh, Nguyễn Hải Yên, Phạm Văn Thái**
11. **Yếu tố liên quan đến kết quả điều trị rối loạn nuốt ở người bệnh nhồi máu não bằng các bài tập nuốt kết hợp chất làm đặc thức ăn** 38  
**Factors related to results of swallowing disorders treatment in patients with ischemic stroke by swallowing exercises combined with food thickeners agents**  
**Nguyễn Thị Vân, Phạm Văn Minh**

12. **Tương quan giữa các đặc điểm hình ảnh cắt lớp vi tính đa dãy và phân tầng nguy cơ mô bệnh học của u mô đệm đường tiêu hoá tại dạ dày** 43  
**Correlation between multi-slice computed tomography imaging features and histological risk stratification of gastric gastrointestinal stromal tumors**  
**Nguyễn Văn Sang, Ngô Văn Hùng, Trần Phan Ninh, Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Anh Tuấn**
13. **U mô đệm dạ dày, một số quan điểm mới về chẩn đoán, điều trị và tiên lượng** 48  
**Gastrointestinal stromal tumors of the stomach, some new perspective in diagnosis, treatments and prognosis**  
**Nguyễn Hoàng, Vũ Tiến Tùng**
14. **Khảo sát chất lượng giấc ngủ ở bệnh nhân sau nhiễm COVID-19 và một số yếu tố liên quan** 53  
**Investigation of sleep quality in patients after recovery from COVID-19 and some related factors**  
**Phạm Ngọc Thảo, Đỗ Đức Thuần**
15. **Tình trạng dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan ở người bệnh đái tháo đường type 2 điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Trà Vinh** 57  
**The nutritional status and some related factors in patients with type 2 diabetes undergoing outpatient treatment at Tra Vinh Provincial General Hospital**  
**Nguyễn Lê Thanh Trúc, Đỗ Nhật Phương, Thạch Thị Thanh Thủy, Nguyễn Thị Ngoãn, Nguyễn Quốc Việt**
16. **Nồng độ pth và calci huyết tương ở bệnh nhân ung thư tuyến giáp thể biệt hóa sau phẫu thuật triệt căn tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên** 61  
**Serum parathyroid hormone (PTH) and calcium levels following thyroidectomy in differentiated thyroid cancer patients at Thainguyen National Hospital**  
**Nguyễn Mỹ Duyên, Trần Bảo Ngọc, Nguyễn Thị Hoa Vy Thị Ngọc Anh, La Hoàng Thiên**
17. **Điều trị bệnh nhân bị rắn hổ mang cắn bằng huyết thanh kháng nọc rắn tại Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An** 65  
**Antivenom treatment in patients with cobra snakebite at Nghe An General Friendship Hospital**  
**Võ Hoài Nam, Nguyễn Văn Thủy, Đặng Thị Xuân**
18. **Thực trạng kháng kháng sinh của các chủng Aeromonas spp. phân lập tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Ninh 2019-2023** 69  
**Antimicrobial susceptibility patterns of Aeromonas spp. isolated at Bac Ninh General Hospital from 2019 to 2023**  
**Nguyễn Văn An, Nguyễn Thị Hải, Nguyễn Hoàng Việt, Lê Hạ Long Hải**
19. **Đặc điểm lâm sàng của người bệnh đau thần kinh tọa điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Y học Cổ Truyền Trung ương** 73  
**Clinical features of outpatient with sciatica at the Central Traditional Medicine Hospital**  
**Trần Thái Hà, Trần Thị Phong Lan, Mai Quang Dự**
20. **Rối loạn phổ viêm tủy thị thần kinh: Hồi cứu 74 trường hợp tại Bệnh viện Đại học Y Dược TP.HCM** 76  
**Neuromyelitis spectrum disorders: Retrospective of 74 cases at University Medical Center in Ho Chi Minh City**  
**Đinh Huỳnh Tổ Hương, Phạm Thành Trung, Nguyễn Vĩnh Khang, Nguyễn Lê Trung Hiếu**
21. **Đánh giá kết quả điều trị và chăm sóc người bệnh tăng sản lành tính tuyến tiền liệt bằng phẫu thuật nội soi qua ngả niệu đạo tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Nam Định năm 2023** 80  
**Evaluating the post-operative result and nursing of transurethral laparoscopy for benign prostatic hyperplasia patients at Nam Dinh General Hospital**  
**Nguyễn Minh An**
22. **Đặc điểm dịch tễ của nhóm người bệnh nhiễm HIV tại Bệnh viện Đa khoa Đống Đa, Hà Nội** 84  
**Epidemiological characteristics of HIV-infected patient at Dong Da General Hospital, Hanoi**  
**Vũ Lê Phương, Trần Thị Ngọc Anh, Lê Hưng**



23. **Một số yếu tố của quá trình chuyển dạ ảnh hưởng đến trẻ sau khi sinh tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Nghệ An năm 2022** 89  
**Some factors of labor that affect baby after birth at Nghe An General Hospital in 2022**  
**Trần Thị Kiều Anh**
24. **Phồng động mạch chủ bụng vỡ mạn tính phối hợp rò động - tĩnh mạch chủ: Nhân một trường hợp và nhìn lại y văn** 93  
**Chronic contained rupture of abdominal aortic aneurysm with aortocaval fistula: A case report**  
**Mạc Thế Trường, Vũ Anh Tuấn, Ngô Gia Khánh, Nguyễn Văn Minh**
25. **Can thiệp điện quang trong điều trị biến chứng hẹp tĩnh mạch cửa sau ghép gan từ người cho sống tại Bệnh viện Nhi Trung ương: Báo cáo ca lâm sàng** 97  
**Interventional radiology in the treatment of portal vein stenosis after liver transplantation in Vietnam National Children's Hospital: Case report**  
**Lê Đình Công, Nguyễn Văn Sang, Nguyễn Minh Châu, Ngô Văn Hùng, Nguyễn Văn Long, Hoàng Văn Hưởng**
26. **Đánh giá cải thiện chất lượng cuộc sống sau phẫu thuật vá nhĩ đơn thuần bằng bộ câu hỏi COMQ-12 phiên bản tiếng việt** 100  
**Evaluation of improvement of quality of life post-tympanoplasty using the COMQ-12 questions in vietnamese**  
**Đỗ Thị Oanh, Nguyễn Lê Hoa, Phạm Trung Hiếu, Đỗ Bá Hưng**
27. **So sánh đặc điểm dịch tễ viêm não tự miễn do kháng thể kháng thụ thể N-methyl-D-aspartate và các viêm não khác tại Trung tâm Thần kinh Bệnh viện Bạch Mai năm 2023** 104  
**Comparison of epidemiological characteristics between Anti-N-methyl-D-aspartate receptor encephalitis and other types of encephalitis at neurology center of Bach Mai Hospital in 2023**  
**Trương Thanh Thủy, Võ Hồng Khôi, Phan Văn Toàn**
28. **Thực trạng và mối liên quan giữa kiến thức chăm sóc sức khoẻ răng miệng với bệnh sâu răng ở học sinh 6 tuổi tại Hà Nội** 107  
**The current situation and relationship between oral health care knowledge and tooth decay in 6-year-old students in Ha Noi**  
**Hà Ngọc Chiêu, Phouphet Kanolath**
29. **Khảo sát đặc điểm tật khúc xạ của sinh viên năm nhất trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương** 113  
**Survey about refractive error of freshman at Hai Duong Medical Technical University**  
**Đỗ Tiến Sơn, Nguyễn Khắc Trường, Hoàng Phi Long, Phạm Quốc Võ, Ngô Đức Long, Đặng Minh Đức, Trần Thị Nhung**
30. **Kiến thức, thái độ, nhu cầu tư vấn về dinh dưỡng cho người bệnh ung thư của người chăm sóc chính tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Nam Định năm 2020** 116  
**Knowledge, attitude, need for nutritional consultation for cancer patients of primary caregivers at Nam Dinh General Hospital in 2020**  
**Vũ Văn Đấu, Phạm Thị Thu Hiền, Nguyễn Hải Lâm**
31. **Tình hình sử dụng kháng sinh hợp lý trong điều trị nội trú tại Bệnh viện Đa khoa Vinh Long năm 2023** 120  
**Situation of reasonable antibiotic use in inpatient treatment at Vinh Long General Hospital in 2023**  
**Nguyễn Thanh Truyền, Trần Kiến Vũ**
32. **Thực trạng kiến thức về chế độ ăn và luyện tập của người bệnh tăng huyết áp điều trị ngoại trú tại Bệnh viện tỉnh Bắc Giang năm 2022** 125  
**The status of knowledge on diet and exercise among outpatient hypertensive patients at the department of cardiology, Bac Giang General Hospital in 2022**  
**Vũ Ngọc Anh, Ngô Thị Thảo**
33. **Một số yếu tố liên quan tới rối loạn giấc ngủ của người bệnh lupus ban đỏ hệ thống tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Nam Định** 129  
**Some factors related to sleep disorders of systemic lupus erythematosus patients at Nam Dinh General Hospital**  
**Nguyễn Thị Huyền Trang, Phạm Thị Hiếu, Lê Thị Vân, Đặng Thị Hân, Phạm Thị Thúy Liên**

34. **Nghiên cứu mức độ biểu hiện gen A20 ở bệnh nhân u lympho ác tính không Hodgkin** 133  
**Studying on the expression level of A20 in patients with Non-Hodgkin lymphoma**  
**Nguyễn Trọng Hà, Đỗ Thị Trang, Nguyễn Hoàng Giang, Nguyễn Bá Vương**
35. **Phân tích cơ cấu chi phí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế tại Trung tâm Y tế quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng từ 2019 đến 2021** 137  
**Healthcare expenditure analysis of Lien Chieu District Hospital from 2019 – 2021**  
**Nguyễn Thị Mai, Hoàng Văn Minh, Lê Văn Nho**
36. **Ảnh hưởng của sai khớp cắn đến chất lượng cuộc sống người Việt độ tuổi 18-25** 141  
**The impact of malocclusion on the quality of life of Vietnamese people aged 18-25 years old**  
**Nguyễn Thị Ngọc Trang, Phạm Như Hải, Nguyễn Thanh Huyền**
37. **Thực trạng kiến thức về tự tiêm insulin của người bệnh đái tháo đường điều trị ngoại trú tại khoa Khám bệnh – Bệnh viện Thanh Nhàn năm 2022** 145  
**Assess the knowledge of self administration of injection insulin among diabetic outpatients at medical examination department of Thanh Nhan Hospital in 2022**  
**Vũ Hồng Nhung, Nguyễn Thị Kim Anh**
38. **Chất lượng cuộc sống của trẻ em trên 4 tuổi mắc viêm da cơ địa** 150  
**Quality of life of children >4 years old with atopic dermatitis**  
**Lữ Thị Thanh Hiền, Nguyễn Thị Hồng Chuyên**
39. **Kiến thức tự chăm sóc của người bệnh đái tháo đường type 2 điều trị ngoại trú tại TTYT huyện Hoà Vang thành phố Đà Nẵng năm 2023 và một số yếu tố liên quan** 154  
**Self-care knowledge and associated factors among type 2 diabetes patients outpatient treatment at Hoa Vang District health center, Da Nang City in 2023**  
**Trần Công Huyền Trang, Phạm Đức Phúc, Vũ Thị Quỳnh Chi**
40. **Tình trạng stress nghề nghiệp của điều dưỡng viên lâm sàng** 159  
**Occupational stress condition of clinical nurses**  
**Nguyễn Thành Chung, Nguyễn Thị Nhân, Vũ Thị Huyền, Lương Ngọc Mai, Dương Thị Quỳnh**
41. **Yếu tố nguy cơ liên quan đến tổn thương thận cấp sau phẫu thuật tại Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An** 161  
**Predictors of acute kidney injury after surgery at Nghe An General Hospital**  
**Lương Mạnh Hùng, Hà Trần Hưng, Nguyễn Đức Phúc, Trần Thị Thu Hoài**
42. **Nghiên cứu tình hình điều trị, quản lý bệnh tăng huyết áp và đánh giá kết quả sau can thiệp ở một số trạm y tế tại tỉnh Bình Dương năm 2023-2024** 165  
**Research in treatment and management of hypertension and the evaluation of intervention outcomes at several health stations in Binh Duong Province, 2023-2024**  
**Lê Văn Huấn, Nguyễn Thanh Liêm, Lê Nguyễn Đăng Khoa, Huỳnh Minh Chín**
43. **Một số yếu tố liên quan tới chất lượng cuộc sống của người bệnh đột quỵ nhồi máu não sau can thiệp phục hồi chức năng** 170  
**Some factors related to the quality of life of ischemic stroke patients after rehabilitation intervention**  
**Phạm Văn Minh, Phan Thị Minh Thu**
44. **Nghiên cứu vai trò của <sup>18</sup>FDG PET/CT trong chẩn đoán giai đoạn bệnh u lympho không Hodgkin tế bào B** 174  
**A studying the role of <sup>18</sup>FDG PET/CT in the stage diagnosis of B-cell Non-Hodgkin's lymphoma**  
**Bùi Tiến Công, Nguyễn Văn Thắng, Phạm Văn Thái, Phạm Cẩm Phương, Vũ Thị Huyền Trang, Chu Văn Tuynh, Nguyễn Văn Tấn, Vũ Sỹ Quân**
45. **Tình trạng suy dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan ở người bệnh thận mạn đang điều trị nội trú tại khoa nội tổng hợp Bệnh viện Đa khoa tỉnh Trà Vinh** 178  
**The status of malnutrition and associated factors in patients with chronic kidney disease undergoing inpatient treatment at the department of internal medicine, Tra Vinh Provincial General Hospital**  
**Nguyễn Lê Thanh Trúc, Đỗ Nhật Phương, Huỳnh Thị Hồng Nhung, Ngô Nguyễn Tường Vi, Hồ Thị Anh Thư**

46. **Đ**ánh giá tác dụng của phương pháp điện châm, xoa bóp bấm huyệt kết hợp túi chườm thảo dược điều trị đau thần kinh tọa 182  
**E**valuation on the effect of herbal compress bag method combined with electroacupuncture and massage – acupressure for sciatica  
**Trần Thái Hà, Mâu Tiến Dũng, Trần Thị Phong Lan**
47. **B**áo cáo trường hợp ca lâm sàng hiếm gặp: Trần dịch màng phổi sau mổ cắt gan do tổn thương tĩnh mạch trung tâm sau đặt catheter 186  
**P**leural effusion after hepatectomy due to central venous catheter complications: A case report and literature  
**Nguyễn Hoàng, Nguyễn Văn Linh**
48. **T**ình hình kháng kháng sinh của các chủng *Stenotrophomonas maltophilia* phân lập tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Ninh 2019-2023 189  
**A**ntimicrobial susceptibility patterns of *Stenotrophomonas maltophilia* isolated at Bac Ninh General Hospital from 2019 to 2023  
**Nguyễn Văn An, Nguyễn Thị Hải, Nguyễn Hoàng Việt, Lê Hạ Long Hải**
49. **N**ghiên cứu tỷ lệ và một số yếu tố liên quan tới Stress ở bệnh nhân sau nhiễm COVID-19 192  
**R**esearch on the proportion of Stress and some related factors in patients after recovery from COVID-19  
**Phạm Ngọc Thảo, Đỗ Đức Thuận**
50. **Đ**ộc tính của hóa trị bổ trợ bằng phác đồ m-FOLFOX6 trong điều trị ung thư đại tràng tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên 196  
**T**oxicity of m-FOLFOX6 therapy regimen as adjuvant chemotherapy for colon cancer in Thai Nguyen Central Hospital  
**Mông Thị Mai Hương, Trần Bảo Ngọc, Trần Thị Ngọc Ánh**
51. **Đ**ịnh lượng tín hiệu bản đồ ADC trên MRI bằng đo toàn bộ thể tích và đo chọn lọc trong chẩn đoán phân biệt u tinh hoàn lành tính và ác tính 201  
**Q**uantifying signal intensity on ADC via whole volume and selective volume measurement in differentiating benign and malignant testicular tumors on MRI  
**Nguyễn Đình Minh, Trịnh Anh Tuấn, Nguyễn Duy Hùng**
52. **N**ghiên cứu các đặc điểm của bệnh nhân đặt máy tạo nhịp tim vĩnh viễn tại Bệnh viện Chợ Rẫy 206  
**A** study on the characteristics of patients with permanent pacemakers implanted at Chợ Rẫy Hospital  
**Dương Hà Khánh Linh, Đoàn Sang, Lê Văn Thanh, Lâm Vĩnh Niên, Trần Thành Vinh, Kiều Ngọc Dũng, Nguyễn Tri Thức**
53. **Đ**ánh giá kết quả điều trị gãy kín thân 2 xương cẳng tay trẻ em bằng đóng đinh đàn hồi kín dưới màn tăng sáng tại Bệnh viện E 211  
**R**esult of treatment both bone diaphyseal forearm fractures in children by using flexible intramedullary nails on fluoroscopy at E Hospital  
**Bùi Ngọc Hoàng, Nguyễn Thị Mai Ly, Nguyễn Trung Tuyên, Nguyễn Đình Hiếu**
54. **C**an thiệp điện quang điều trị biến chứng đường mật sau ghép gan từ người cho sống tại Bệnh viện Nhi Trung ương: Báo cáo ca lâm sàng 215  
**I**nterventional radiology in treatment of biliary complications after living donor liver transplantation at Vietnam National Children's Hospital: A case report  
**Lê Đình Công, Nguyễn Văn Sang, Ngô Văn Hùng, Nguyễn Văn Long, Hoàng Văn Hưởng**
55. **Đ**ánh giá phương pháp đốt nhiệt u xơ tử cung bằng sóng RFA tại Bệnh viện Phụ Sản Hà Nội 218  
**E**valuation uterine fibroids treatment using radio frequency ablation at Hanoi Obstetrics and Gynecology  
**Dương Văn Vũ, Lê Thị Anh Đào, Nguyễn Duy Ánh**
56. **N**ghiên cứu mức độ biểu hiện gen CYLD ở bệnh nhân u lympho ác tính không Hodgkin 221  
**S**tudying on the expression level of CYLD in patients with Non-Hodgkin lymphoma  
**Nguyễn Trọng Hà, Đỗ Thị Trang, Nguyễn Hoàng Giang, Phan Thị Hoài Trang, Nguyễn Bá Vượng**

57. **Một số đặc điểm dịch tễ viêm não tự miễn do kháng thể kháng thụ thể N-Methyl-D-Aspartate tại Trung tâm Thần kinh Bệnh viện Bạch Mai năm 2023** 225  
**Epidemiological anti-nmda receptor encephalitis at Neurology Center of Bach Mai Hospital in 2023**  
**Trương Thanh Thủy, Võ Hồng Khôi, Phan Văn Toàn**
58. **Thực trạng bệnh sâu răng ở học sinh 6 tuổi tại Hà Nội** 228  
**The current situation of dental carier of 6-year-old students in Hanoi**  
**Hà Ngọc Chiêu, Phouphet Kanolath**
59. **Giá trị cộng hưởng từ trong đánh giá giai đoạn trước phẫu thuật ung thư trực tràng tại Bệnh viện Ung Bướu Thanh Hóa** 232  
**The value of mri in the assessment of pre-operative staging of rectal cancer in Thanh Hoa Oncology Hospital**  
**Nguyễn Thành Nam, Nguyễn Thị Thủy, Trịnh Văn Linh, Nguyễn Văn Sơn, Lê Xuân Chính**
60. **Các yếu tố dự đoán giá trị của nghiệm pháp 1STST ở người bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính** 236  
**Predictors of the 1 miunite Sit-To-Stand test performance in chronic obstructive pulmonary disease**  
**Nguyễn Thị Thu Hằng, Nguyễn Thị Huyền Trang**
61. **Đánh giá sự thay đổi nồng độ Cyfra 21-1, CEA, SCC huyết tương trong theo dõi điều trị ở bệnh nhân ung thư phổi không tế bào nhỏ tại Bệnh viện 19-8 bộ Công An** 241  
**Assessment of changes in plasma Cyfra 21-1, CEA, SCC concentrations during treatment monitoring in patients with non-small cell lung cancer at 19-8 Hospital Ministry of Public Security**  
**Trần Thị Thúy Hằng, Đỗ Thị Lệ Thúy**
62. **Vai trò của đo chiều dài cổ tử cung kết hợp xét nghiệm Actim Partus trong dự báo sinh non** 245  
**The role of cervical length measurement combined with Actim Partus test in predicting premature birth**  
**Nguyễn Xuân Mỹ, Phạm Bá Nha, Nguyễn Thái Giang, Nguyễn Quốc Tuấn, Lê Trần Thanh Thảo**
63. **Giá trị của chỉ số Ret-He trong chẩn đoán thiếu máu thiếu sắt ở bệnh nhân bệnh thận mạn giai đoạn cuối lọc máu định kỳ** 249  
**The value of reticulocyte hemoglobin equivalent (Ret-He) index in diagnosing iron deficiency anemia in patients with end-stage chronic kidney disease on regular hemodialysis**  
**Nguyễn Văn Toàn, Trần Thanh Tùng, Phan Nguyễn Vũ Linh, Trương Ngọc Quyền**
64. **Đánh giá kết quả điều trị loét da dày tá tràng ở Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tiền Giang** 253  
**Evaluation of treatment results for gastric and colon ulcers at Tien Giang Provincial General Hospital**  
**Cao Trần Thanh Phong, Lê Tấn Phước, Nguyễn Thị Thanh Tuyền, Trần Đỗ Thanh Phong**
65. **Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng bệnh nhân bị rắn lục xanh đuôi đỏ cắn tại Bệnh viện Hữu Nghị Đa khoa Nghệ An** 257  
**Clinical and paraclinical features related to green pit viper bite at Nghe An General Friendship Hospital**  
**Nguyễn Văn Thủy, Trần Hữu Thông, Đặng Thị Xuân**
66. **Kiến thức phòng chống tăng huyết áp của người dân xã Phúc Tiến, huyện Phú Xuyên, Hà Nội năm 2023 và một số yếu tố liên quan** 261  
**The knowledge of hypertension prevention among the residents of phuc tien commune, Phu Xuyen District, Hanoi in 2023 and related factors**  
**Ngô Thị Thu Hiền, Vũ Văn Công, Nguyễn Phương Anh, Nguyễn Thị Huế**

67. **Khảo sát chất lượng cuộc sống của người bệnh ung thư biểu mô tế bào gan sau phẫu thuật cắt gan tại Bệnh viện Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh** 265  
**Survey on quality of life of patients with hepatocellular carcinoma after hepatectomy at University Medical Center Ho Chi Minh City**  
**Nguyễn Thị Thanh Trúc, Hà Thị Như Xuân, Võ Nguyên Trung, Mai Thị Ngọc Kiều, Cao Mạnh Hùng, Lê Thị Hồng Anh, Phạm Thị Thuỳ Linh, Nguyễn Thị Mỹ Hạnh**
68. **Xác định nồng độ trung bình  $Mg^{++}$  trong máu trước và sau khi dùng magnesium sulfate để phòng ngừa sản giật tại Bệnh viện Hùng Vương** 270  
**Determining average  $Mg^{++}$  concentration in blood before and after using magnesium sulfate to prevent eclampsia at Hung Vuong Hospital**  
**Trần Văn Đủ, Lê Kim Bá Liêm, Nguyễn Thị Thảo, Đặng Thị Hồng Nhung, Nguyễn Thị Ngọc Thuận, Lê Cao Diễm Hồng, Nguyễn Quốc Đạt, Võ Minh Tuấn**
69. **Áp dụng chỉ số tổn thương cảm xúc EVI trong đánh giá sự thay đổi tâm sinh lý người bệnh ung thư trong đại dịch COVID-19** 275  
**Applying the evi- emotional vulnerabilyty index in assessing psychological changes in cancer patients during the COVID-19 pandemic**  
**Nguyễn Thị Thu Hương, Trịnh Lê Huy, Trương Tuấn Anh**
70. **Nghiên cứu kiến thức, thái độ, thực hành và hiệu quả can thiệp của kiến thức, thái độ, sàng lọc trước sinh ở phụ nữ mang thai tại huyện Dầu Tiếng tỉnh Bình Dương năm 2023 - 2024** 279  
**Study on knowledge, attitude, practice, and the effectiveness of intervention regarding prenatal screening among pregnant women in Dau Tieng district, Binh Duong province, 2023 - 2024**  
**Trần Ngọc Huỳnh Nga, Huỳnh Quốc Thắng, Huỳnh Minh Chín, Lê Nguyễn Đăng Khoa**
71. **Thực trạng kiến thức chăm sóc bàn chân ở người bệnh đái tháo đường type 2 tại khoa nội thận tiết niệu - nội tiết Bệnh viện Đa khoa tỉnh Nam Định** 285  
**Knowledge of foot care among type 2 diabetes patients at the endocrine-urology-kidney department Nam Dinh General Hospital**  
**Nguyễn Thị Thùy Dương, Bùi Thị Hải Anh**
72. **Nồng độ d-dimer ở bệnh nhân COVID-19 trung bình và nặng điều trị tại Bệnh viện bệnh Nhiệt đới Trung ương giai đoạn 2021-2023** 289  
**D-dimer levels in moderate and severe COVID-19 patients treated at National Hospital for Tropical Diseases Period 2021-2023**  
**Tạ Thị Diệu Ngân, Hồ Thị Giang, Trần Thị Kiều My**
73. **Tiên lượng tử vong và kết cục chức năng thần kinh ở bệnh nhân hôn mê bằng thang điểm INCNS** 294  
**Prediction of mortality and functional neurological outcome of comatose patients using INCNS score**  
**Huỳnh Xuân Ngọc, Võ Thị Đoàn Thục, Lê Phù Nhật Thịnh, Trần Đại Cường, Nguyễn Thị Ngọc Liên, Lê Thị Kim Ngân, Trương Dương Tiên, Nguyễn Lê Trung Hiếu**
74. **Nhân một ca bệnh: Hội chứng sốc nhiễm độc ở trẻ mắc thủy đậu** 300  
**A case report: Toxic shock syndrome in children with chickenpox**  
**Phạm Thị Mai Hương, Hà Thị Kiều Oanh**
75. **Đánh giá hiệu quả kỹ thuật cắt ngắn cân cơ nâng mi phối hợp treo cân ngang trên mở rộng điều trị sụp mi bẩm sinh mức độ nặng** 303  
**Evaluate outcomes of levator muscle resection combine with transverse superior fascial expansion (tsfe) to treat severe congenital ptosis**  
**Nguyễn Thị Thu Hiền, Dương Diệu Hương, Vũ Thị Quế Anh, Phạm Trọng Văn**
76. **Nghiên cứu ứng dụng nẹp vít khóa trong điều trị phẫu thuật gãy đầu dưới xương chày qua đường mổ tối thiểu ít xâm lấn** 306  
**Study on the application of locking screw plate in surgical treatment of fractures of the lower head of tibia through minimally invasive incision**  
**Vũ Văn Vinh, Đỗ Việt Sơn, Nguyễn Thái Sơn, Nguyễn Anh Đức**



77. **Khảo sát tình trạng rối loạn cương ở bệnh nhân nam mắc bệnh thận mạn giai đoạn cuối** 309  
**Survey on erectile dysfunction in males with end stage kidney disease**  
**Phan Bá Nghĩa, Lê Việt Thắng, Phạm Quốc Toàn, Nguyễn Thị Thu Hà, Trương Quý Kiên, Nguyễn Văn Đức, Nguyễn Thị Thuỳ Dung, Đỗ Mạnh Hà, Diễm Thị Vân, Đinh Trọng Hà**
78. **Chất lượng cuộc sống của người bệnh rò hậu môn bằng bộ công cụ QoLAF- Q trước và sau phẫu thuật tại Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn năm 2023** 312  
**Quality of life of anal fistake patients using the QoLAF-Q tool kit before and after surgery at Xanh Pon General Hospital in 2023**  
**Nguyễn Thị Thúy Nga, Nguyễn Thanh Tâm, Trần Hữu Vinh**
79. **Tình hình sử dụng kháng sinh trong các bệnh lý nhiễm khuẩn ở trẻ em tại Bệnh viện Đại học Võ Trường Toản năm 2022-2023** 316  
**Situation of antibiotic use in infection diseases in children at Vo Truong Toan University Hospital in 2022-2023**  
**Nguyễn Ngọc Cẩm Quyên, Nguyễn Ghi Thảo Nhi, Nguyễn Lý Tân Tuệ, Nguyễn Thảo Vy, Nguyễn Thị Diễm Kiều, Phạm Bảo Ngọc, Bùi Hồng Quê Trân, Nguyễn Thị Thanh Tuyền, Trần Đỗ Thanh Phong**
80. **Phân tích các yếu tố tiên lượng tử vong trên bệnh nhân COVID-19 điều trị lọc máu hấp phụ tại Nghệ An** 320  
**Analyzing the prognostic factors associated with mortality in COVID-19 patients receiving adsorbent hemodialysis in Nghe An**  
**Nguyễn Xuân Quảng, Đỗ Ngọc Sơn, Quế Anh Trâm, Nguyễn Đức Phúc**
81. **Giá trị procalcitonin trong chẩn đoán nhiễm trùng hậu phẫu ở bệnh nhi được phẫu thuật tim có bắc cầu tim phổi** 324  
**Procalcitonin on postoperative infection after pediatric cardiac surgery with cardiopulmonary bypass**  
**Trần Minh Mẫn, Phùng Nguyễn Thế Nguyên, Hà Mạnh Tuấn**
82. **Đánh giá hiệu quả điều chỉnh loạn thị giác mạc trong phẫu thuật nhũ tương hóa thủy tinh thể kết hợp rạch giác mạc rìa** 329  
**Efficacy of limbal relaxing incisions to correct corneal astigmatism during phacoemulsification surgery**  
**Nguyễn Hoàng Phúc, Nguyễn Công Kiệt, Trương Tiến Dũng**
83. **Nghiên cứu mối liên quan giữa tật cận thị và một số yếu tố khác với tình trạng lo âu của sinh viên hai năm đầu đại học** 333  
**Research on relationship between myopia and other factors with anxiety in the first two years of college**  
**Đinh Việt Hùng, Nguyễn Đình Khanh, Trần Mỹ Linh, Huỳnh Ngọc Lăng, Phạm Xuân Trường, Bùi Anh Tuấn, Trần Việt Thắng**
84. **Thực trạng thực hành tự tiêm insulin của người bệnh đái tháo đường điều trị ngoại trú tại khoa khám bệnh – Bệnh viện Thanh Nhàn năm 2022** 337  
**Assess the practice of self administration of injection insulin among diabetic outpatients at medical examination department of Thanh Nhan Hospital in 2022**  
**Võ Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Kim Anh**
85. **Một số yếu tố liên quan đến sự hài lòng của người bệnh về dịch vụ khám bệnh yêu cầu tại khoa khám bệnh, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình** 341  
**Some factors related to to satisfaction of patients with medical examination request at outpatient department, Thai Binh Provincial General Hospital**  
**Lương Thị Mai Anh, Nguyễn Văn Thắng, Nguyễn Thu Huyền, Phạm Đức Minh**
86. **Việt hóa bộ câu hỏi đánh giá nỗi sợ cái chết “Thanatophobia”** 346  
**Translation and cross-cultural adaptation of the thanatophobia scale into Vietnamese**  
**Nguyễn Ngọc Hoàng Mỹ Tiên, Lại Đặng Kiều Mỹ, Đặng Thị Hồng Nhung, Nguyễn Thị Thương, Lê Đại Dương**

87. **Đặc điểm bệnh nhân bị ong đốt và kết quả điều trị tại Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An** 351  
**Characteristics of patients with bee stings and results of the treatment at Nghe An General Friendship Hospital**  
**Nguyễn Bá Thời, Ngô Nam Hải, Đặng Thị Xuân**
88. **Tác dụng giảm đau và cải thiện chức năng sinh hoạt hàng ngày của điện châm kết hợp xoa bóp bấm huyệt, bài tập dưỡng sinh nguyên văn hướng trong điều trị hội chứng thắt lưng hông** 355  
**Effects of electro – acupuncture, massage and nguyen van huong's exercises on relieving pain and improving daily activities in lumbar hip syndrome treatment**  
**Trần Thị Minh Quyên, Vũ Việt Hằng**
89. **Kiến thức và thực hành về dự phòng biến chứng của người bệnh tăng huyết áp điều trị ngoại tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lạng Sơn năm 2023** 359  
**Knowledge and practice on complication prevention of outpatient treatment for hypertension patients in 2023 at Lang Son General Hospital**  
**Nguyễn Thị Quỳnh, Bùi Thị Châm, Đào Thị Hồng**
90. **Nồng độ vitamin B12 và một số yếu tố liên quan ở bệnh nhân bệnh thận mạn giai đoạn cuối lọc máu định kỳ** 363  
**Vitamin B12 level and related factors in end-stage kidney disease patients on hemodialysis**  
**Phạm Thị Lan Phương, Nguyễn Như Nghĩa, Nguyễn Hoàng Bảo Ngọc, Mai Huỳnh Ngọc Tân**
91. **Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, hình ảnh chụp cắt lớp vi tính mạch máu não của bệnh nhân chảy máu não tiên phát có dấu hiệu "spot sign" dương tính** 368  
**Review of clinical and computed tomography angiography aspects in spontaneous intracerebral hemorrhage patients with "spot sign" positive**  
**Dương Trung Kiên, Nguyễn Mạnh Hùng, Nguyễn Việt Đức, Dương Đình Tuấn, Vũ Ngọc Anh, Lương Minh Quang, Trần Việt Hoàng**
92. **Nhận định một số nhu cầu và khả năng đáp ứng của người bệnh đột quỵ não tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Nam Định năm 2022** 371  
**Identifying some needs and ability to respond to brain stroke patients at Nam Dinh General Hospital in 2022**  
**Vũ Thị Hồng Nhung**
93. **So sánh hiệu quả của laser châm kết hợp tập vận động và siêu âm điều trị kết hợp với tập vận động trên người bệnh thoái hóa khớp gối qua thang điểm WOMAC** 375  
**The comparative effectiveness of laser acupuncture combined with exercise and ultrasound therapy combined with exercise in patients with knee osteoarthritis assessed through the WOMAC scale**  
**Lý Chung Huy, Nguyễn Thái Dương, Đỗ Thanh Sang, Phạm Gia Thế, Lê Huỳnh Kim Thuyền**
94. **Điểm trũng huyết áp trên người bệnh thận mạn đạt mục tiêu huyết áp phòng khám** 380  
**Ambulatory blood pressure dipping pattern in patients with chronic kidney disease and controlled blood pressure**  
**Đỗ Minh Thức, Trần Long Hồ, Nguyễn Văn Sĩ**
95. **So sánh kết quả điều trị Terlipressin và Octreotide kết hợp thắt vòng cao su trên bệnh nhân xơ gan có xuất huyết tiêu hóa do vỡ giãn tĩnh mạch thực quản** 384  
**Comparison of Terlipressin and Octreotide combined with variceal ligation for the treatment of acute esophageal variceal bleeding**  
**Lê Huỳnh Thảo Quyên, Kha Hữu Nhân, Nguyễn Thị Diễm, Lâm Phước Thiện**
96. **Nhận xét kết quả điều trị áp xe phần phụ tại Bệnh viện Phụ Sản Hà Nội năm 2021 - 2022** 388  
**Evaluation treatment tubo – ovarian abscesses at Hanoi Obstetrics and Gynecology in 2021 - 2022**  
**Dương Văn Vũ, Lê Thị Anh Đào, Trần Thị Phương Linh**